



CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025



Tháng 10 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 38

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Xuân Tùng	Chủ tịch	
Ông Trịnh Thanh Giảng	Phó chủ tịch	
Bà Trần Mỹ Linh	Thành viên	
Ông Lê Trí Dũng	Thành viên	
Ông Lê Tiến Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2025
Ông Nguyễn Minh Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2025
Ông Nguyễn Phan Trung Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2025

Ban Tổng Giám đốc

Bà Trần Mỹ Linh	Tổng Giám đốc	
Bà Đỗ Thị Đông	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bế Công Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Bảo Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Trí Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07/03/2025

Ban Kiểm soát

Ông Đoàn Đức Giang	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24/07/2025
Ông Trần Hùng Cường	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 26/06/2025
Ông Trương Duy Phong	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 26/06/2025
Bà Nguyễn Thanh Thanh Bình	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 26/06/2025
Ông Nguyễn Bá Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/06/2025

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Trần Mỹ Linh - Tổng Giám đốc.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng: ngoài thông tin trình bày tại Thuyết minh số 33 Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30/06/2025 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng: sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng: Công ty đã tuân thủ và không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



Trần Mỹ Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30/10/2025, từ trang 7 đến trang 38 kèm theo, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 15/2025/BBHĐQT-VMD ngày 20/09/2025 của Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex yêu cầu Ban Tổng Giám đốc triển khai các giải pháp cần thiết để thu hồi tổn thất cho Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex với tổng số tiền 131.797.789.132 đồng bao gồm: tổn thất dòng tiền cho thuê văn phòng tòa nhà 246 Cống Quỳnh và 45 Võ Thị Sáu từ năm 2021 đến năm 2024 số tiền 48.139.850.632 đồng; doanh thu phí phân phối dược phẩm của Công ty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương ghi nhận thiếu doanh thu từ năm 2021 đến năm 2024 số tiền 83.657.938.500 đồng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này chưa có kết quả của các giải pháp xử lý tổn thất theo biên bản họp Hội đồng quản trị nêu trên của Công ty, do đó chúng tôi chưa đánh giá được các điều chỉnh cần thiết có ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 21 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ: Ngày 26/6/2025, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex đã ban hành Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-VMD về việc thu hồi 2.284.950 cổ phiếu VMD, tương ứng với 14,8% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex và hủy bỏ tư cách cổ đông của các cá nhân Bà Nguyễn Ngọc Dung, Bà Trần Thị Đoàn Trang, Ông Trần Kiên Cường kể từ ngày 01/01/2025 và xác nhận tư cách cổ đông cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex nắm giữ 2.284.950 cổ phiếu VMD, tương ứng 14,8% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex kể từ ngày 01/01/2025.

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 33 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

- Hội đồng quản trị Công ty CP Y Dược phẩm Vimedimex (Công ty VMD) yêu cầu Ban Tổng Giám đốc triển khai các giải pháp hỗ trợ thu hồi tổn thất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex (Công ty VMG) - đơn vị liên quan của Công ty bao gồm chuyển tiền của Công ty VMG vòng qua Công ty VMD sau đó rút tiền mặt, chuyển khoản đi số tiền 343.738.865.391 đồng (từ ngày 15/04/2021 đến 30/01/2023) và khoản Công ty VMD phải thu bà Nguyễn Ngọc Dung số tiền 193 tỷ đồng rút tiền mặt trong năm 2022 nhưng chưa hoàn lại (Biên bản họp Hội đồng quản trị số 136/2024/BB-VMG ngày 31/12/2024 của Công ty VMG đã thông qua việc Hội đồng quản trị Công ty VMG sẽ chịu trách nhiệm thu hồi khoản công nợ phải thu khó đòi số tiền 193 tỷ đồng liên quan đến Bà Nguyễn Ngọc Dung thay cho Công ty VMD. Đồng thời, Công ty VMD sẽ không còn nghĩa vụ phải trả khoản công nợ 193 tỷ đồng cho Công ty VMG).
- Một số cá nhân giữ vị trí lãnh đạo điều hành Công ty VMG và Công ty VMD đã thực hiện điều chuyển dòng tiền vào và dòng tiền ra số tiền 252.353.295.174 đồng và chỉ đạo ông Nguyễn Tiến Mạnh rút tiền 76.978.900.000 đồng dẫn đến tổn thất số tiền 328.400.200.202 đồng của Công ty VMG kể từ ngày 19/04/2021 đến 24/10/2024.

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 34 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ: Công ty đã hợp tác với các nhà đầu tư để xây dựng Tòa nhà Citilight tại 45 Võ Thị Sáu, Quận 1 (cũ), TP. Hồ Chí Minh. Sau khi hoàn thành, Công ty thực hiện chia diện tích cho các nhà đầu tư theo diện tích quy định trên hợp đồng hợp tác kinh doanh. Ngày 24/02/2020, Công ty đã ban hành Công văn số 1421/2020/CV-VMD về việc thông tin chính thống trên các Cơ quan thông tấn Báo chí liên quan đến Tòa nhà Citilight 45 Võ Thị Sáu. Theo đó, Công ty đã tạm dừng các hoạt động liên quan đến việc thanh toán tiền thuê diện tích thương mại tại Tòa nhà Citilight 45 Võ Thị Sáu cũng như các hoạt động khác có liên quan phát sinh từ quá trình góp vốn xây dựng Tòa nhà để rà soát lại toàn bộ hoạt động góp vốn, thanh quyết toán tòa nhà Citilight 45 Võ Thị Sáu, phân chia diện tích, quản lý khai thác tòa nhà Citilight, phân chia lợi nhuận,... Công ty và các Nhà đầu tư đang trong quá trình làm việc để thống nhất các nội dung nêu trên. Theo đó, sự kiện này có thể phát sinh lợi ích kinh tế và/hoặc nghĩa vụ nợ cho Công ty trong tương lai.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 đã được soát xét và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 tại Báo cáo soát xét số 0208.1/2024/BCSX/IAV ngày 29/08/2024 và đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 tại Báo cáo kiểm toán số 0208.1/2024/BCTC/IAV ngày 31/03/2025.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:

0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		481.028.076.908	453.194.972.722
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	36.275.558.425	186.536.771.380
Tiền	111		14.275.558.425	10.636.771.380
Các khoản tương đương tiền	112		22.000.000.000	175.900.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	175.900.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		175.900.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		257.888.627.591	255.534.446.806
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	185.842.080.707	185.906.451.483
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	6.802.545.353	7.318.338.859
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	149.740.083.512	146.805.738.445
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7, 8, 9	(84.496.081.981)	(84.496.081.981)
Hàng tồn kho	140	10	9.055.873.622	9.055.873.622
Hàng tồn kho	141		9.380.971.790	9.380.971.790
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(325.098.168)	(325.098.168)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.908.017.270	2.067.880.914
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		51.656.137	166.982.523
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.856.361.133	1.900.898.391
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		332.097.883.158	334.576.027.767
Các khoản phải thu dài hạn	210		5.714.576.965	5.714.576.965
Phải thu dài hạn khác	216	9	5.714.576.965	5.714.576.965
Tài sản cố định	220		17.968.654.186	18.481.793.649
Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.575.511.651	2.856.177.712
- Nguyên giá	222		33.496.802.534	33.496.802.534
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.921.290.883)	(30.640.624.822)
Tài sản cố định vô hình	227	12	15.393.142.535	15.625.615.937
- Nguyên giá	228		22.977.113.159	22.977.113.159
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.583.970.624)	(7.351.497.222)
Bất động sản đầu tư	230	13	59.276.308.205	60.742.297.625
- Nguyên giá	231		103.327.212.088	103.327.212.088
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(44.050.903.883)	(42.584.914.463)
Tài sản dở dang dài hạn	240		33.506.151.377	32.752.816.333
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	33.506.151.377	32.752.816.333
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	214.958.388.968	214.958.388.968
Đầu tư vào công ty con	251		207.027.132.620	207.027.132.620
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		18.730.978.694	18.730.978.694
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(10.799.722.346)	(10.799.722.346)
Tài sản dài hạn khác	260		673.803.457	1.926.154.227
Chi phí trả trước dài hạn	261		673.803.457	1.926.154.227
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		813.125.960.066	787.771.000.489

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		479.160.665.599	461.310.355.052
Nợ ngắn hạn	310		460.447.612.432	443.667.262.660
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	235.089.736.755	219.835.038.890
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	166.859.295.475	166.873.354.819
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	1.856.944.648	2.879.812.848
Phải trả người lao động	314		410.546.771	392.618.724
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	939.918.883	1.249.079.997
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	50.206.558.754	47.352.746.236
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.084.611.146	5.084.611.146
Nợ dài hạn	330		18.713.053.167	17.643.092.392
Phải trả dài hạn khác	337	19	18.713.053.167	17.643.092.392
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		333.965.294.467	326.460.645.437
Vốn chủ sở hữu	410	21	332.041.834.527	324.537.185.497
Vốn góp của chủ sở hữu	411		154.402.680.000	154.402.680.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		154.402.680.000	154.402.680.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		114.168.390.910	114.168.390.910
Quỹ đầu tư phát triển	418		29.732.320.126	29.732.320.126
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		7.338.446.765	7.338.446.765
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.399.996.726	18.895.347.696
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		18.895.347.696	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.504.649.030	18.895.347.696
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.923.459.940	1.923.459.940
Nguồn kinh phí	431		1.923.459.940	1.923.459.940
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		813.125.960.066	787.771.000.489

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025



Trần Thị Thanh Bình
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Dung
Kế toán trưởng



Trần Mỹ Linh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		44.727.903.997	43.198.600.122
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	23	44.727.903.997	43.198.600.122
Giá vốn hàng bán	11	24	24.845.684.316	26.116.584.389
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.882.219.681	17.082.015.733
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	4.193.407.007	2.257.639.707
Chi phí tài chính	22	26	3.019.868.847	4.016.655.835
Chi phí bán hàng	25	27	6.167.555.882	7.172.262.483
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	5.534.618.375	4.740.089.275
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.353.583.584	3.410.647.847
Thu nhập khác	31	28	308.161.398	4.862.295
Chi phí khác	32	29	222.319.788	66.103.046
Lợi nhuận khác	40		85.841.610	(61.240.751)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.439.425.194	3.349.407.096
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	1.934.776.164	674.602.029
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.504.649.030	2.674.805.067

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025


Trần Thị Thanh Bình
Người lập biểu


Nguyễn Thị Thu Dung
Kế toán trưởng


Trần Mỹ Linh
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	9.439.425.194	3.349.407.096
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.979.128.883	2.043.206.939
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.204.400.799	4.016.655.835
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05	(4.193.407.007)	(2.257.639.707)
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	9.429.547.869	7.151.630.163
Tăng giảm các khoản phải thu	09	389.807.158	2.464.412.519
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	16.005.725.572	12.806.339.236
Tăng giảm chi phí trả trước	12	1.367.677.156	2.134.430.433
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.294.591.988)	(1.870.173.752)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh</i>	20	24.898.165.767	22.686.638.599
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(753.335.044)	(4.302.223.292)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(175.900.000.000)	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.493.956.322	2.257.639.707
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(175.159.378.722)	(2.044.583.585)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(8.301.300)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	-	(8.301.300)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	(150.261.212.955)	20.633.753.714
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	186.536.771.380	166.927.426.964
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	36.275.558.425	187.561.180.678

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Trần Thị Thanh Bình
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Dung
Kế toán trưởng

Trần Mỹ Linh
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp số 0300479760 do Sở Tài chính (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/06/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 27/03/2023.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 8 Tòa nhà Vimedimex Group, số 46-48 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 154.402.680.000 VND (Một trăm năm mươi tư tỷ bốn trăm linh hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng số cổ phần là 15.440.268 cổ phần, mệnh giá 01 (một) cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2025 là 31 người (tại ngày 01/01/2025 là 33 người).

1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là thương mại, dịch vụ và bất động sản.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là :

- Dịch vụ nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh cho thuê cao ốc văn phòng, kho vận.

1.3. CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4. CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 30/06/2025, Công ty có các Công ty con sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Dược phẩm Vimedimex	Hồ Chí Minh	100%	100%	Bán buôn sản phẩm thuốc, tân dược, thực phẩm chức năng, thiết bị y tế, mỹ phẩm, hàng tiêu dùng cho mẹ và bé
Công ty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương	Bình Dương	100%	100%	Bán buôn sản phẩm thuốc, tân dược, thực phẩm chức năng, thiết bị y tế, mỹ phẩm, hàng tiêu dùng cho mẹ và bé
Công ty TNHH - Trung tâm phân phối dược phẩm Vimedimex	Hà Nội	55,6%	55,6%	Bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc, hợp tác kinh doanh, khám chữa bệnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4. CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2025, Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Hà Nội	Hà Nội	Buôn bán, phân phối các sản phẩm thuốc
Trung tâm Nghiên cứu trồng và chế biến cây thuốc Đà Lạt (*)	Đà Lạt	Trồng dược liệu

(*): Trung tâm Nghiên cứu trồng và chế biến cây thuốc Đà Lạt hiện đã ngừng hoạt động.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. KỲ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 30/06 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2.2. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và lập Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính này.

3.2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc.

Người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Công ty.

3.3. HÌNH THỨC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

4.1. CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2024.

4.2. ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.
- Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí sửa chữa hoàn thiện văn phòng và các chi phí khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

4.7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Loại tài sản	Số năm khấu hao
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc, thiết bị	05 - 08
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
- Vườn cây lâu năm	06
- Tài sản cố định khác	04 - 25

4.8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Đây là các phần mềm phục vụ quản lý, được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính trong thời gian từ 03 đến 48 năm.

4.9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (TIẾP)

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của bất động sản đầu tư cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao
- Nhà cửa, vật kiến trúc	24 - 25
- Quyền sử dụng đất	50

4.10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác: là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Nếu Công ty đầu tư là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.11. NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư, trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam và được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13. DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.13. DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

4.14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan, ... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Các khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái, ...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

4.16. THUẾ

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các qui định hiện hành của Nhà nước.

4.17. CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, các Công ty con, Công ty liên doanh liên kết, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.17. CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.275.558.425	10.636.771.380
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	22.000.000.000	175.900.000.000
	36.275.558.425	186.536.771.380

(*): là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung, lãi suất từ 4,1% - 4,5%/năm.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung, lãi suất từ 4,8% - 5,3%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX
Tầng 8 Tòa nhà Vimedimex Group, số 46 - 48 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Dược phẩm Phát Như Quân	30.682.293.032	(30.682.293.032)	30.682.293.032	(30.682.293.032)
- Công ty TNHH Dược Phẩm Thy Thư	8.962.462.619	-	28.121.999.397	-
- Công ty Cổ phần BV Pharma	25.625.540.221	-	25.542.126.659	-
- Công ty CP Thương mại và Dược phẩm Việt Nam	18.574.103.597	(18.574.103.597)	18.574.103.597	(18.574.103.597)
- Công ty CP Dược phẩm Vinpharco	13.637.924.769	(13.023.567.825)	13.637.924.769	(13.023.567.825)
- Công ty TNHH TM DP Ngọc Linh Trang	16.776.318.532	(16.630.107.729)	16.776.318.532	(16.630.107.729)
- Phải thu khách hàng khác	71.583.437.937	(3.656.907.979)	52.571.685.497	(3.656.907.979)
	185.842.080.707	(82.566.980.162)	185.906.451.483	(82.566.980.162)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 32)	245.204.150		569.737.164	

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Kỹ thương Minh Long	2.056.000.000	-	2.056.000.000	-
- I-CODI Co., Ltd	1.348.779.000	-	1.348.779.000	-
- Trả trước cho người bán khác	3.397.766.353	(95.577.000)	3.913.559.859	(95.577.000)
	6.802.545.353	(95.577.000)	7.318.338.859	(95.577.000)

Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan
 (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 32)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	149.740.083.512	(1.833.524.819)	146.805.738.445	(1.833.524.819)
- Phải thu tạm ứng CBCNV đã nghỉ việc	1.796.561.414	(1.796.561.414)	1.796.561.414	(1.796.561.414)
- Phải thu Công ty CP BV Pharma (*)	141.525.565.187	-	141.525.565.187	-
- Tạm ứng cho nhân viên	194.940.318	-	193.094.907	-
- Lãi dự thu	3.093.443.836	-	221.493.151	-
- Phải thu khác	3.129.572.757	(36.963.405)	3.069.023.786	(36.963.405)
Dài hạn	5.714.576.965	-	5.714.576.965	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	5.714.576.965	-	5.714.576.965	-
	155.454.660.477	(1.833.524.819)	152.520.315.410	(1.833.524.819)
Phải thu khác bên liên quan	1.235.471.069		1.232.471.069	
(Xem chi tiết tại Thuyết minh số 32)				

(*): Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 07/2023/BB-VMD ngày 13/03/2023 của Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex về việc xử lý công nợ của Công ty Cổ phần BV Pharma: tạm giữ phần diện tích (486,46m2) theo suất đầu tư của nhóm nhà đầu tư là Công ty Cổ phần BV Pharma và người thân của Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần BV Pharma là ông Nguyễn Tiến Hùng chưa nộp góp đủ vốn tại tòa nhà Citilight 45 Võ Thị Sáu, Quận 1 (cũ) thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi Công ty Cổ phần BV Pharma thanh toán hết các khoản công nợ với Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex.

10. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	97.112.500	(97.112.500)	97.112.500	(97.112.500)
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	179.533.349	(179.533.245)	179.533.349	(179.533.245)
- Hàng hoá	9.104.325.941	(48.452.423)	9.104.325.941	(48.452.423)
	9.380.971.790	(325.098.168)	9.380.971.790	(325.098.168)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dùng cụ quản lý	Vườn cây		TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ									
	16.726.425.586	4.739.336.906	4.206.911.322	4.765.817.150		152.810.137	2.905.501.433	33.496.802.534	
30/06/2025	16.726.425.586	4.739.336.906	4.206.911.322	4.765.817.150		152.810.137	2.905.501.433	33.496.802.534	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ									
	14.494.012.016	4.372.475.624	4.011.717.291	4.763.468.237		152.810.137	2.846.141.517	30.640.624.822	
01/01/2025	176.462.418	51.729.044	40.839.240	2.348.913		-	9.286.446	280.666.061	
- Khấu hao trong kỳ									
30/06/2025	14.670.474.434	4.424.204.668	4.052.556.531	4.765.817.150		152.810.137	2.855.427.963	30.921.290.883	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI									
	2.232.413.570	366.861.282	195.194.031	2.348.913		-	59.359.916	2.856.177.712	
01/01/2025	2.055.951.152	315.132.238	154.354.791	-		-	50.073.470	2.575.511.651	
30/06/2025									

-

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 22.655.903.070 VND (tại ngày 01/01/2025 là 22.238.896.570 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2025	21.279.738.169	1.697.374.990	22.977.113.159
30/06/2025	21.279.738.169	1.697.374.990	22.977.113.159
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
01/01/2025	5.654.122.232	1.697.374.990	7.351.497.222
- Hao mòn trong kỳ	232.473.402	-	232.473.402
30/06/2025	5.886.595.634	1.697.374.990	7.583.970.624
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2025	15.625.615.937	-	15.625.615.937
30/06/2025	15.393.142.535	-	15.393.142.535

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 1.697.374.990 VND (tại ngày 01/01/2025 là 1.697.374.990 VND).

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2025	59.568.178.831	43.759.033.257	103.327.212.088
30/06/2025	59.568.178.831	43.759.033.257	103.327.212.088
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
01/01/2025	16.155.560.193	26.429.354.270	42.584.914.463
- Khấu hao trong kỳ	658.211.920	807.777.500	1.465.989.420
30/06/2025	16.813.772.113	27.237.131.770	44.050.903.883
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2025	43.412.618.638	17.329.678.987	60.742.297.625
30/06/2025	42.754.406.718	16.521.901.487	59.276.308.205

Bất động sản đầu tư là một phần tòa nhà và quyền sử dụng đất tại số 246 Cống Quỳnh, Quận 1 (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh và tòa nhà tại số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1 (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh đang được sử dụng để cho thuê.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Mua sắm Tài sản cố định	1.060.000.000	1.060.000.000
- Phát triển phần mềm hệ thống	1.060.000.000	1.060.000.000
Xây dựng cơ bản	32.446.151.377	31.692.816.333
- Dự án 18 Hoàng Văn Thụ, Đà Lạt (*)	27.637.379.453	26.884.044.409
- Dự án Văn phòng giao dịch tại TP. Cần Thơ	4.604.803.168	4.604.803.168
- Dự án TTPP Y dược phẩm quốc tế tại Đà Nẵng	203.968.756	203.968.756
	33.506.151.377	32.752.816.333

(*): Dự án Đầu tư xây dựng Trung tâm nghiên cứu bảo tồn và phát triển dược liệu Tây Nguyên tại số 18 Hoàng Văn Thụ, phường 5, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (nay là số 18 Hoàng Văn Thụ, phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng) theo Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh ký giữa Công ty và Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Thảo Nguyên ("Thảo Nguyên"). Dự án được triển khai trên diện tích 51.523,99 m² với mục tiêu bảo tồn và phát triển Dược liệu khu vực Tây Nguyên, xây dựng Công trình cơ sở lưu trú phục vụ tổ chức/cá nhân có nhu cầu đến nghiên cứu, tham quan, nghỉ dưỡng nhằm giới thiệu mô hình bảo tồn và phát triển dược liệu, phát triển du lịch canh nông.

Theo các điều khoản hợp đồng hợp tác kinh doanh thì Công ty đại diện các bên đứng tên Chủ đầu tư. Giá trị góp vốn của Công ty là toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất và góp sức với vai trò là Chủ đầu tư Dự án. Bên Thảo Nguyên góp toàn bộ số tiền cần thiết bỏ ra để lập, thực hiện Dự án. Lợi nhuận hợp tác sẽ được chia cho mỗi bên như sau: Công ty được hưởng 10% và Thảo Nguyên được hưởng 90% của lợi nhuận hợp tác.

Theo thỏa thuận giữa hai bên thì toàn bộ chi phí đầu tư xây dựng dự án và các chi phí phát sinh khác trong trường hợp dự án không được sự chấp thuận chủ trương đầu tư của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hay dự án đi vào hoạt động không hiệu quả sẽ do Thảo Nguyên gánh chịu. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, dự án vẫn đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào Công ty con	207.027.132.620	-	-	207.027.132.620	-	-
- Công ty TNHH - Trung tâm Phấn phối Dược phẩm Vimedimex	92.027.132.620	-	(*)	92.027.132.620	-	(*)
- Công ty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương	50.000.000.000	-	(*)	50.000.000.000	-	(*)
- Công ty TNHH Dược phẩm Vimedimex	65.000.000.000	-	(*)	65.000.000.000	-	(*)
Đầu tư vào đơn vị khác	18.730.978.694	(10.799.722.346)	(10.799.722.346)	18.730.978.694	(10.799.722.346)	(10.799.722.346)
- Công ty CP XNK - Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	2.185.000.000	-	(*)	2.185.000.000	-	(*)
- Công ty CP BV Pharma	10.799.722.346	(10.799.722.346)	(*)	10.799.722.346	(10.799.722.346)	(*)
- Công ty CP Dược Nature Việt Nam (**)	5.746.256.348	-	(*)	5.746.256.348	-	(*)
	225.758.111.314	(10.799.722.346)		225.758.111.314	(10.799.722.346)	

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**): Ngày 15/07/2019, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex đã thông qua việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Dược Nature Việt Nam ("Dược Nature") cho Bà Mai Thùy Linh theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2019/HĐCN ngày 17/07/2019 với số lượng 570.000 cổ phần. Theo đó, Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng 570.000 cổ phần Dược Nature cho bà Mai Thùy Linh với giá trị là 5.700.000.000 VND.
Đến ngày 30/06/2025, Bà Mai Thùy Linh đã chuyển tiền thanh toán theo hợp đồng chuyển nhượng số tiền 4.700.000.000 VND; số tiền 1.000.000.000 VND còn lại Bà Linh chưa thanh toán. Do vậy, Công ty chưa thực hiện thêm các thủ tục chuyển nhượng cổ phần. Theo đó, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược Nature Việt Nam là khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

Thông tin chi tiết về Công ty con của Công ty tại ngày 30/06/2025 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Dược phẩm Vimedimex	Hồ Chí Minh	100,0%	100,0%	Bán buôn sản phẩm thuốc, tân dược, thực phẩm chức năng, thiết bị y tế, mỹ phẩm, hàng tiêu dùng cho mẹ và bé
Công ty TNHH - Trung tâm phân phối dược phẩm Vimedimex	Hà Nội	55,6%	55,6%	Bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc, hợp tác kinh doanh, khám chữa bệnh
Công ty TNHH MTV Dược liệu Vimedimex	Đà Lạt	100,0%	100,0%	Trồng dược liệu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
- Mi Pharma Private Limited	15.457.922.251	15.344.420.025
- Công ty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương	11.802.899.011	12.422.392.114
- Công ty TNHH IDS Medical System Việt Nam	6.835.495.000	6.835.495.000
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tà Thiên Ân	5.972.913.418	5.972.913.418
- Các đối tượng khác	195.020.507.075	179.259.818.333
	235.089.736.755	219.835.038.890
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 32)	12.426.464.432	13.137.560.020

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
- Công ty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương	160.419.045.131	160.419.045.131
- Cửa hàng An Khang	3.600.177.236	3.600.177.236
- Các đối tượng khác	2.840.073.108	2.854.132.452
	166.859.295.475	166.873.354.819
Người mua trả tiền trước ngắn hạn là bên liên quan (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 32)	160.419.045.131	160.419.045.131

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	482.779.966	482.779.966
- Chi phí kiểm toán	315.000.000	650.000.000
- Chi phí phải trả ngắn hạn khác	142.138.917	116.300.031
	939.918.883	1.249.079.997

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	50.206.558.754	47.352.746.236
- Kinh phí công đoàn	13.457.950	1.973.950
- Bảo hiểm xã hội	32.068.449	32.068.449
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.916.857.640	5.916.857.640
- Công ty CP BV Pharma (1)	10.799.722.346	10.799.722.346
- Công ty CP Đầu tư Bất động sản Thảo Nguyên (2)	8.500.000.000	8.500.000.000
- Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Thăng Long (3)	6.000.000.000	6.000.000.000
- Bà Mai Thùy Linh (4)	4.700.000.000	4.700.000.000
- Công ty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương	4.299.680.020	4.299.685.051
- Công ty CP Chứng khoán Hòa Bình (5)	6.226.043.788	2.888.946.629
- Phải trả khác	3.718.728.561	4.213.492.171
Dài hạn	18.713.053.167	17.643.092.392
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	18.664.613.167	17.594.652.392
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	48.440.000	48.440.000
	68.919.611.921	5.950.900.039
Phải trả khác là bên liên quan	10.668.491.339	7.585.194.180

(Xem chi tiết tại Thuyết minh số 32)

- (1) Khoản tiền Công ty Cổ phần BV Pharma chuyển tiền nhưng hai bên chưa thống nhất nội dung công nợ được bù trừ với số tiền thanh toán này. (Xem Thuyết minh số 9).
- (2) Khoản tiền hợp tác kinh doanh với Công ty CP Bất động sản Thảo Nguyên thực hiện dự án Trung tâm Nghiên cứu bảo tồn và phát triển Dược liệu Tây Nguyên tại số 18 đường Hoàng Văn Thụ, Đà Lạt, Lâm Đồng - nay là số 18 Hoàng Văn Thụ, phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (chi tiết dự án tại Thuyết minh số 14).
- (3) Khoản tiền hợp tác kinh doanh nhận từ Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Thăng Long ("Thăng Long") theo hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 37/HTĐT/2017 ngày 11/01/2017 về việc kinh doanh tại số 53 đường Nguyễn Chí Thanh, Phường 9, Quận 5, TP Hồ Chí Minh (nay là phường An Đông, thành phố Hồ Chí Minh). Theo đó, hai bên thống nhất hợp tác đầu tư xây dựng một hệ thống tòa nhà văn phòng và căn hộ dịch vụ, phía Công ty góp vốn bằng tài sản trên đất tại thửa đất 53 Nguyễn Chí Thanh cũng như quyền và nghĩa vụ gắn liền với thửa đất, phía Thăng Long góp vốn bằng toàn bộ chi phí đầu tư nâng cấp xây dựng hệ thống tòa nhà văn phòng và căn hộ dịch vụ.
- (4) Khoản tiền nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Dược Nature Việt Nam từ bà Mai Thùy Linh. Bà Mai Thùy Linh chưa thanh toán đủ giá trị hợp đồng chuyển nhượng nên chưa hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng cổ phần (Xem Thuyết minh số 15).
- (5) Lợi nhuận phân chia cho Công ty CP Chứng khoán Hòa Bình liên quan đến Bất động sản đầu tư là một phần của Tòa cao ốc Văn phòng Vimedimex tại số 246 Cống Quỳnh, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 (cũ), TP. Hồ Chí Minh. Đây là tài sản hình thành từ hợp đồng góp vốn đầu tư xây dựng cao ốc Văn phòng Vimedimex số 022/2009/HD-VM-HBS giữa Công ty CP Chứng khoán Hòa Bình và Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/khấu trừ trong kỳ	30/06/2025
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	5.257.888.169	5.257.888.169	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.183.606.385	1.934.776.164	2.294.591.988	1.823.790.561
- Thuế thu nhập cá nhân	696.206.463	362.518.014	1.025.570.390	33.154.087
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	4.960.436.404	4.960.436.404	-
	2.879.812.848	12.515.618.751	13.538.486.951	1.856.944.648

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1. CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	154.402.680.000	154.402.680.000
- Vốn góp cuối kỳ	154.402.680.000	154.402.680.000

21.2. CỔ PHIẾU

	30/06/2025 CP	01/01/2025 CP
- Số lượng cổ phiếu đã được đăng ký phát hành	15.440.268	15.440.268
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra	15.440.268	15.440.268
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.440.268	15.440.268
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.440.268	15.440.268
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.440.268	15.440.268
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000 VND/CP)		

21.3. CÁC QUỸ

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	29.732.320.126	29.732.320.126
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	7.338.446.765	7.338.446.765

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại:

- Số 53 đường Nguyễn Chí Thanh, phường 9, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh (nay là số 53 đường Nguyễn Chí Thanh phường An Đông, thành phố Hồ Chí Minh) với mục đích để sản xuất kinh doanh (văn phòng làm việc) từ năm 2009 đến ngày 01/01/2046. Diện tích khu đất thuê là 700,6 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Tuy nhiên Công ty đã ủy quyền toàn bộ quyền và nghĩa vụ liên quan hiện khu đất này cho Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Thăng Long (Chi tiết Hợp tác kinh doanh với Công ty Thăng Long tại Thuyết minh số 19).
- Số 45 đường Võ Thị Sáu, phường Đa Kao, Quận 1 (cũ), thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 2.692 m², thời hạn thuê đến ngày 31/12/2045 để sử dụng làm trung tâm thương mại được phẩm và văn phòng. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Số 18 đường Hoàng Văn Thụ, phường 5, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (nay là số 18 Hoàng Văn Thụ, phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng) với diện tích thuê 51.523,99 m², thời hạn thuê đất đến hết ngày 25/12/2055 để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Xã Tà Nung, thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng (nay là phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng) với diện tích 83.198,9 m² đất chuyên dụng và đất nông nghiệp, thời hạn thuê đất 50 năm kể từ 03/12/1993. Theo hợp đồng này, Công ty phải thanh toán tiền thuê đất hàng năm tính từ ngày 26/03/2010 cho đến ngày đáo hạn theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty ký các hợp đồng thuê tài sản trên đất tại:

- Thuê mặt bằng nhà, đất tại số 36/212B phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh) để sử dụng với mục đích làm văn phòng và cơ sở sản xuất kinh doanh từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2027 (05 (năm) năm) theo Hợp đồng cho thuê tài sản, đất tại đại chỉ số 36/212B phường Trường Thọ, quận Thủ Đức (nay là phường Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh) số 075/HĐ-TT ngày 25/04/2024. Diện tích khu đất thuê là 11.064,4 m²; giá thuê đất được cố định trong suốt thời gian thuê.
- Công ty ký hợp đồng thuê tài sản thuộc sở hữu Nhà nước là Biệt thự số 18 Hoàng Văn Thụ, phường 5, thành phố Đà Lạt (nay là phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng) (với tổng diện tích sử dụng là 642,56 m² từ ngày 10/04/2019 đến ngày 10/04/2069 để sửa chữa, cải tạo sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh. Giá thuê đất được điều chỉnh theo chu kỳ 5 năm một lần theo mức giá do ủy ban Nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm thực hiện mỗi chu kỳ mới.

23. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Doanh thu cung cấp dịch vụ, kinh doanh bất động sản đầu tư	44.727.903.997	43.198.600.122
	44.727.903.997	43.198.600.122
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 32)	339.419.750	248.868.592

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Giá vốn cung cấp dịch vụ, kinh doanh bất động sản đầu tư	24.845.684.316	26.116.584.389
	24.845.684.316	26.116.584.389

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.020.907.007	1.855.139.707
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	172.500.000	402.500.000
	4.193.407.007	2.257.639.707

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.019.868.847	4.016.655.835
	3.019.868.847	4.016.655.835

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Các khoản chi phí bán hàng	6.167.555.882	7.172.262.483
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	27.141.458	22.136.173
- Chi phí nhân viên	1.078.602.400	1.445.634.188
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.167.365	80.330.423
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.580.975.755	5.020.622.631
- Chi phí khác bằng tiền	434.668.904	603.539.068
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	5.534.618.375	4.740.089.275
- Chi phí nhân viên quản lý	1.848.410.524	2.231.352.755
- Chi phí vật liệu quản lý	940.000	8.056.563
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	410.397.660	410.397.660
- Thuế, phí, lệ phí	1.112.776.806	47.082.334
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	427.284.125	518.081.416
- Chi phí khác bằng tiền	1.734.809.260	1.525.118.547
	11.702.174.257	11.912.351.758
Chi phí chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng với các bên liên quan	984.619.786	1.083.081.764
(Xem chi tiết tại Thuyết minh số 32)		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Thu nhập khác	308.161.398	4.862.295
	308.161.398	4.862.295

29. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Chi phạt vi phạm hành chính, chậm nộp	4.535.906	66.103.046
- Tiền khắc phục hậu quả vụ án (*)	217.783.882	-
	222.319.788	66.103.046

(*): Công ty nộp tiền khắc phục hậu quả vụ án tại Công ty CP Tiến bộ quốc tế (AIC), Trung tâm Công nghệ sinh học theo Quyết định số 2525/QĐCTHADS của Cục Thi hành án dân sự ngày 11/03/2025.

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	76.472.529	195.521.166
- Thuế phí, lệ phí	1.112.776.806	-
- Chi phí nhân công	3.595.657.007	4.882.065.000
- Khấu hao tài sản cố định	1.566.531.925	2.043.206.939
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.813.629.430	14.930.019.345
- Chi phí bằng tiền khác	17.382.790.876	15.978.123.697
	36.547.858.573	38.028.936.147

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.439.425.194	3.349.407.096
Các khoản điều chỉnh tăng	702.319.788	426.103.046
- Tiền phạt chậm nộp, phạt hành chính về thuế	4.535.906	66.103.046
- Thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách	360.000.000	360.000.000
- Chi phí không được trừ khác	337.783.882	-
Các khoản điều chỉnh giảm	467.864.160	402.500.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	172.500.000	402.500.000
- Các khoản thu nhập khác	295.364.160	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	9.673.880.822	3.373.010.142
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Tổng thu nhập tính thuế trong kỳ	9.673.880.822	3.373.010.142
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.934.776.164	674.602.029

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập và tiền lương của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

Chức vụ	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Hội đồng Quản trị	846.086.956	720.000.000
- Ông Lê Xuân Tùng	Chủ tịch	240.000.000
- Ông Trịnh Thanh Giảng	Phó chủ tịch	240.000.000
- Bà Trần Mỹ Linh	Thành viên	120.000.000
- Ông Lê Tiến Dũng	Thành viên	120.000.000
- Ông Lê Trí Dũng	Thành viên	120.000.000
- Ông Nguyễn Minh Sơn	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 26/06/2025)	3.043.478
- Ông Nguyễn Phan Trung Kiên	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 26/06/2025)	3.043.478
Ban Tổng Giám đốc	632.140.200	400.000.000
- Bà Trần Mỹ Linh	Tổng Giám đốc	226.080.900
- Bà Đỗ Thị Đông	Phó Tổng Giám đốc	-
- Ông Bé Công Sơn	Phó Tổng Giám đốc	-
- Ông Nguyễn Bảo Anh	Phó Tổng Giám đốc	115.059.300
- Ông Lê Trí Dũng	Phó Tổng Giám đốc	120.000.000
- Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 07/03/2025)	171.000.000
Ban Kiểm soát	150.760.869	180.000.000
- Ông Trần Hùng Cường	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 26/06/2025)	87.717.391
- Ông Đoàn Đức Giang	Trưởng ban (Bỏ nhiệm ngày 24/07/2025)	60.000.000
- Ông Nguyễn Bá Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/06/2025)	-
- Bà Phạm Thị Thu Thảo	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/06/2024)	-
- Ông Trương Duy Phong	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 26/06/2025)	1.521.739
- Bà Nguyễn Thanh Thanh Bình	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 26/06/2025)	1.521.739

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty CP Dược phẩm Vimedimex 2	Cổ đông lớn
2	Công ty TNHH - TTPP Dược phẩm Vimedimex	Công ty con
3	Công ty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương	Công ty con
4	Công ty TNHH Dược phẩm Vimedimex	Công ty con
5	Công ty CP Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex	Bên liên quan với thành viên HĐQT
6	Công ty TNHH MTV Dược liệu Vimedimex	Bên liên quan với thành viên HĐQT
7	Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình	Bên liên quan với thành viên HĐQT
8	Công ty CP Chứng khoán Hòa Bình	Bên liên quan với thành viên HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	339.419.750	248.868.592
- Công ty TNHH - TTPP Dược phẩm Vimedimex	-	238.257.629
- Công ty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương	339.419.750	10.610.963
Mua hàng hóa dịch vụ	984.619.786	1.083.081.764
- Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình	984.619.786	1.083.081.764
Phân chia lợi nhuận Hợp tác kinh doanh	6.226.043.788	5.051.841.066
- Công ty CP Chứng khoán Hòa Bình	6.226.043.788	5.051.841.066

Số dư với các bên liên quan

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	245.204.150	569.737.164
- Công ty TNHH - TTPP Dược phẩm Vimedimex	237.918.945	562.451.959
- Công ty CP Dược phẩm Vimedimex 2	7.285.205	7.285.205
Phải thu ngắn hạn khác	1.235.471.069	1.232.471.069
- Công ty TNHH MTV Dược liệu Vimedimex	1.235.471.069	1.232.471.069
Phải trả người bán ngắn hạn	12.426.464.432	13.137.560.020
- Công ty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương	11.802.899.011	12.422.392.114
- Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình	541.540.882	633.143.367
- Công ty CP Dược phẩm Vimedimex 2	42.584.269	42.584.269
- Công ty TNHH Dược phẩm Vimedimex	39.440.270	39.440.270
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	160.419.045.131	160.419.045.131
- Công ty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương	160.419.045.131	160.419.045.131
Phải trả ngắn hạn khác	10.525.728.839	7.188.631.680
- Công ty CP Chứng khoán Hòa Bình	6.226.043.788	2.888.946.629
- Công ty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương	4.299.685.051	4.299.685.051
Nhận ký quỹ, ký cược	142.762.500	396.562.500
- Công ty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương	142.762.500	396.562.500

33. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Tại ngày 10/09/2025, Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh đưa ra Thông báo số 1656/QĐ-SGDHCM công bố danh sách bổ sung chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ với mã chứng khoán VMD.

Theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 15/2025/BBHĐQT-VMD ngày 20/09/2025 của Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex, Hội đồng quản trị Công ty CP Y Dược phẩm Vimedimex (VMD) yêu cầu Ban Tổng Giám đốc làm việc với các đơn vị liên quan để làm rõ việc các cá nhân nguyên là nhân sự của Công ty lợi dụng chức vụ quyền hạn có dấu hiệu chiếm đoạt tài sản gây tổn thất cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex (VMG) - đơn vị liên quan của Công ty và triển khai các giải pháp hỗ trợ thu hồi tổn thất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex, cụ thể:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN (TIẾP)

- Khoản chuyển tiền của Công ty VMG vòng qua Công ty VMD sau đó rút tiền mặt, chuyển khoản đi số tiền 343.738.865.391 đồng (từ ngày 15/04/2021 đến 30/01/2023) và khoản Công ty VMD phải thu bà Nguyễn Ngọc Dung số tiền 193 tỷ đồng rút tiền mặt trong năm 2022 nhưng chưa hoàn lại (Biên bản họp Hội đồng quản trị số 136/2024/BB-VMG ngày 31/12/2024 của Công ty VMG đã thông qua việc Hội đồng quản trị Công ty VMG sẽ chịu trách nhiệm thu hồi khoản công nợ phải thu khó đòi số tiền 193 tỷ đồng liên quan đến Bà Nguyễn Ngọc Dung thay cho Công ty VMD. Đồng thời, Công ty VMD sẽ không còn nghĩa vụ phải trả khoản công nợ 193 tỷ đồng cho Công ty VMG);
- Tổng giá trị tiền cổ tức mã chứng khoán Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex (VMD) năm 2021, 2022 trên tài khoản của 03 nhân Nguyễn Ngọc Dung, Trần Thị Đoan Trang, Trần Kiên Cường số tiền 6.512.107.500 đồng phải trả về cho Công ty VMD. Tuy nhiên, 03 cá nhân này đã rút tiền cổ tức mã VMD trên tài khoản cá nhân có dấu hiệu chiếm dụng số tiền 6.512.005.000 đồng kể từ ngày 15/06/2021 đến 09/12/2022, trong đó: Trần Kiên Cường rút số tiền 3.131.192.000 đồng; Nguyễn Ngọc Dung rút số tiền 1.080.062.000 đồng; Trần Thị Đoan Trang rút số tiền 2.300.751.000 đồng.
- Một số cá nhân giữ vị trí lãnh đạo điều hành Công ty VMG và Công ty VMD đã thực hiện điều chuyển dòng tiền vào và dòng tiền ra số tiền 252.353.295.174 đồng và chỉ đạo ông Nguyễn Tiến Mạnh rút tiền 76.978.900.000 đồng dẫn đến tổn thất số tiền 328.400.200.202 đồng của Công ty VMG kể từ ngày 19/04/2021 đến 24/10/2024.

Ngày 24/10/2025, Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh đưa ra Quyết định số 968/QĐ-SGDHCM về việc đưa cổ phiếu Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex (Mã chứng khoán: VMD) vào diện đình chỉ giao dịch kể từ ngày 31/10/2025.

34. CÁC THÔNG TIN KHÁC

TÀI SẢN TIỀM TÀNG - NỢ TIỀM TÀNG TẠI TÒA CITILIGHT 45 VÕ THỊ SÁU

Trong giai đoạn trước cổ phần hóa, Công ty Xuất nhập khẩu Y tế II (tiền thân của Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex) nhận góp vốn của các tổ chức, cá nhân ("Nhà đầu tư") theo hình thức hợp tác kinh doanh để thực hiện xây dựng Tòa nhà trung tâm thương mại dược phẩm và văn phòng tại số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, Quận 1 (cũ), thành phố Hồ Chí Minh ("Tòa nhà Citilight"). Sau khi tòa nhà Citilight 45 Võ Thị Sáu hoàn thành và đưa vào sử dụng, Công ty bàn giao phần diện tích cho các Nhà đầu tư theo diện tích ghi trên hợp đồng hợp tác kinh doanh để các Nhà đầu tư khai thác và sử dụng. Theo đó, các Nhà đầu tư thực hiện tự khai thác, sử dụng hoặc ủy quyền cho Công ty khai thác và hàng quý nhận lại khoản tiền thuê văn phòng tương ứng với tiền cho thuê văn phòng sau khi nộp phần phí quản lý và các khoản chi phí thuê đất, thuê nhà đất và bảo hiểm tài sản.

Ngày 16/02/2020, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Y dược phẩm Vimedimex họp thảo luận về các nội dung liên quan đến Dự án Tòa nhà Citilight số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, Quận 1 (cũ), thành phố Hồ Chí Minh, theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 03/2020/BB-VMD ngày 16/02/2020, căn cứ báo cáo tài chính năm 2007 đã được kiểm toán, tính đến hết ngày 31/12/2007:

- Tổng giá trị đầu tư vào Tòa nhà Citilight là 96.843.227.279 đồng, trong đó số vốn thực góp của các Nhà đầu tư sau khi Công ty kiểm tra, rà soát là 51.056.056.717 đồng, chiếm tỷ lệ 52,72% tổng giá trị góp vốn xây dựng Tòa nhà Citilight 45 Võ Thị Sáu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

TÀI SẢN TIỀM TÀNG - NỢ TIỀM TÀNG TẠI TÒA CITILIGHT 45 VÕ THỊ SÁU (TIẾP)

- Tổng số diện tích tạm bàn giao cho các Nhà đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh là 6.498,2m², tổng diện tích sản hữu dụng nhà đầu tư được hưởng theo giá thực tế đầu tư tòa nhà khi quyết toán công trình là 5.351,24 m²; tương ứng với 52,72% diện tích của Tòa nhà Citilight (10.150 m²). Theo đó, số vốn các Nhà đầu tư góp thiếu so với diện tích đã nhận là 17,65%.

Ngày 24/02/2020, Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex đã ban hành văn bản số 1421/2020/CV-VMD về việc thông tin chính thống trên các Cơ quan thông tấn báo chí liên quan đến Tòa nhà Citilight 45 Võ Thị Sáu. Trong đó nêu rõ: Công ty đã tạm dừng các hoạt động liên quan đến việc thanh toán tiền thuê diện tích thương mại tại Tòa nhà Citilight 45 Võ Thị Sáu cũng như các hoạt động khác có liên quan phát sinh từ quá trình góp vốn xây dựng Tòa nhà để rà soát lại toàn bộ hoạt động góp vốn, thanh quyết toán tòa nhà Citilight 45 Võ Thị Sáu, phân chia diện tích, quản lý khai thác tòa nhà Citilight, phân chia lợi nhuận,... Tại ngày 30/06/2025, số dư phải trả các Nhà đầu tư liên quan là 159.093.490.347 VND (tại ngày 01/01/2025 là 139.296.511.929 VND).

Hiện nay, Công ty và các Nhà đầu tư chưa thống nhất được các vấn đề nêu trên. Vì vậy, sự kiện này có thể phát sinh lợi ích kinh tế và/hoặc nghĩa vụ nợ cho Công ty trong tương lai, sau khi Công ty và Nhà đầu tư thống nhất được các vướng mắc trong quá trình góp vốn, phân chia lợi nhuận, quản lý khai thác Tòa nhà Citilight theo quy định của pháp luật hiện hành.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán và số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 của Công ty đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025



Trần Thị Thanh Bình
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Dung
Kế toán trưởng



Trần Mỹ Linh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

www.uhy.vn

Kiểm toán | Kế toán | Thuế | Tư vấn | Đào tạo